

Neoproof® Polyurea AR



Lớp phủ chống thấm polyurea đàn hồi thi công nguội có khả năng kháng rễ xâm nhập

Mô tả

Lớp phủ chống thấm polyaspartic polyurea đàn hồi, hai thành phần, có thể thi công bằng chổi, có khả năng kháng rễ xâm nhập.

Nó tạo thành một lớp màng không bị phồng rộp và không thấm ẩm, có khả năng chống chịu áp lực cơ học cao.

Nhờ thành phần đặc biệt, nó mang lại khả năng bảo vệ lâu dài chống lại sự xâm nhập của rễ cây trồng, thông qua các đặc tính cơ học cực cao của hệ thống chống thấm mà nó tạo ra, cũng như bằng cách ngăn chặn rễ tiếp cận màng chống thấm ngay từ đầu. Đã được thử nghiệm thành công và đánh giá khả năng kháng rễ xâm nhập tuân thủ CEN/TS 14416:2014



Đóng gói

Bộ (A+B) 19kg

Trong thùng kim loại

Màu sắc: Trắng

RAL 9003

Lĩnh vực ứng dụng

- Vườn trên mái
- Mái nhà xanh
- Bồn trồng cây

Đặc tính - Ưu điểm

- Bảo vệ đáng tin cậy chống lại sự xâm nhập của rễ
- Đặc tính cơ học cao
- Khả năng chống thấm nước vượt trội
- Độ bám dính tuyệt vời trên nhiều chất nền khác nhau
- Duy trì tính đàn hồi trong dải nhiệt độ rộng từ -35°C đến +80°C
- Bề mặt cuối cùng không phồng rộp
- Chịu được mưa sớm trong 2 giờ sau khi thi công
- Khả năng lấp đầy vết nứt tuyệt vời
- Thi công bằng con lăn hoặc máy phun
- Thời gian thi công dài
- Tuổi thọ sử dụng cực kỳ dài được đảm bảo

Chứng nhận – Báo cáo thử nghiệm

- Chứng nhận CE tuân thủ EN 1504-2
- Báo cáo thử nghiệm của phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng độc lập bên ngoài Geoterra (No. 2023/333_39)
- Đã thử nghiệm thành công và đánh giá khả năng chống lại sự xâm nhập của rễ cây tuân thủ CEN/TS 14416:2014
Báo cáo thử nghiệm 23/32304595 của phòng thí nghiệm độc lập bên ngoài Trung tâm công nghệ LGAI S.A. (Applus)
- Tuân thủ hàm lượng V.O.C. tuân thủ Chỉ thị E.U. 2004/42/CE



Đặc tính kỹ thuật

Tỷ lệ trộn A:B (theo trọng lượng)	13:6
Tỷ trọng (EN ISO 2811-1)	1,45kg/L (±0,1)
Độ giãn dài tại điểm đứt (ASTM D412)	420% (±20)
Độ bền kéo tại điểm đứt (ASTM D412)	8,5MPa (±0,3)
Độ bền kéo tại điểm đứt (được gia cố bằng Neotextile® NP, ASTM D412)	>10MPa
Cường độ bám dính (EN 1542)	>3N/mm ²
Độ cứng Shore A (ASTM D2240)	75
Độ cứng Shore D (ASTM D2240)	25
Khả năng thấm nước của chất lỏng (EN 1062-3)	<0,01kg/m ² h ^{0,5}
Độ thấm CO ₂ – Độ dày lớp không khí tương đương khuếch tán Sd (EN 1062-6)	>50m
Tính thấm hơi nước – Độ dày lớp không khí tương đương khuếch tán Sd (EN ISO 7783)	>5m (Class II)
Chịu nhiệt độ	-35°C / +80°C
Mức tiêu thụ: 2,7-3kg/m² đối với hệ thống được gia cố (có Neotextile® NP)	

Điều kiện thi công

Độ ẩm mặt nền	<4%
Độ ẩm môi trường (RH)	<85%
Nhiệt độ thi công (môi trường- mặt nền)	+5°C/ +35°C

Chi tiết bảo dưỡng

Thời gian sống (+23°C, RH 50%)**	80 phút
Thời gian khô (+23°C, RH 50%)	4 giờ
Thời gian thi công lớp sau (+23°C, RH 50%)	18 giờ

Chịu mưa sớm	2 giờ
Đông cứng hoàn toàn	~7 ngày
<p>* <i>Nhiệt độ thấp và độ ẩm thấp trong quá trình thi công và/hoặc bảo dưỡng sẽ kéo dài thời gian trên, trong khi nhiệt độ cao và độ ẩm cao sẽ làm giảm chúng</i></p> <p>* <i>Do độ nhớt của hỗn hợp cao theo thời gian, để thi công dễ dàng hơn, chỉ nên tính thời gian bằng một nửa so với thời gian nêu trong bảng</i></p>	

Sơn lót thích hợp trên lớp nền thông thường

Chất nền	Lớp lót	Mô tả - Chi tiết
Bê tông, vữa xi măng	Acqua Primer NP	Vật liệu lót epoxy gốc nước (Nhiệt độ thi công: +12°C / +35°C)
	Epoxol® Primer	Vật liệu lót epoxy gốc dung môi (Nhiệt độ thi công: +5°C / +35°C)
	Neodur® Fast Track PR	Vật liệu lót hybrid (polyurea-polyurethane) khô nhanh. Cho phép thi công lớp đầu tiên của hệ thống Neoproof® Polyurea trong cùng ngày
	Neopox® Primer WS	Vật liệu lót epoxy không dung môi cho bề mặt ẩm ướt. Lý tưởng cho các chất nền có độ ẩm cao (không đọng nước hoặc tăng độ ẩm)

Hướng dẫn sử dụng

Chuẩn bị mặt nền

Bề mặt phải ổn định, sạch sẽ, khô ráo, được bảo vệ khỏi độ ẩm tăng cao và không có bụi, dầu, mỡ và các vật liệu rời. Bất kỳ vật liệu bám dính kém và lớp phủ cũ nào cũng phải được loại bỏ và bề mặt phải được làm sạch hoàn toàn bằng cơ học hoặc hóa học. Tùy theo bề mặt, có thể cần phải chuẩn bị bằng biện pháp cơ học thích hợp để làm phẳng các điểm không đồng đều, mở các lỗ rỗng và tạo điều kiện tối ưu cho độ bám dính. Các bề mặt phải có độ dốc thích hợp và phải đủ phẳng, nhẵn và liên tục (nghĩa là không có lỗ, vết nứt, khoản trống, v.v.). Trong trường hợp ngược lại, chúng phải được xử lý phù hợp (như bằng cách trát vữa thích hợp).

Vật liệu lót

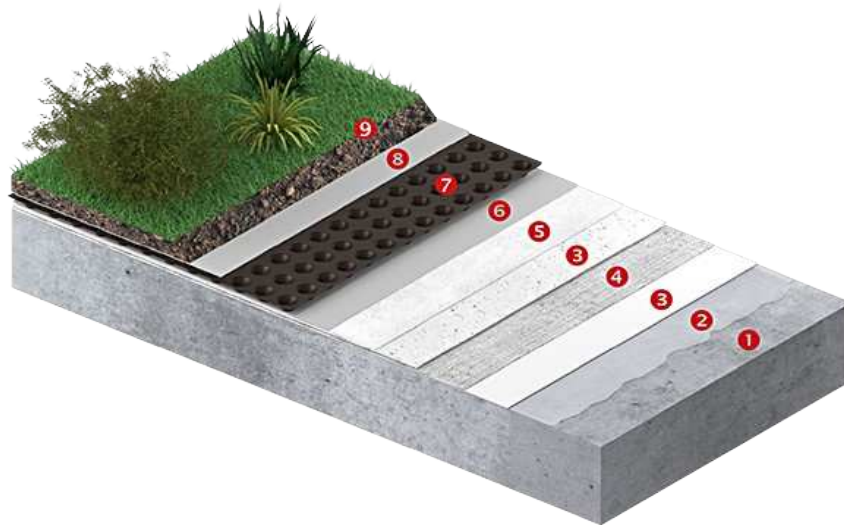
Trước khi thi công **Neoproof® Polyurea AR**, nên quét lớp lót **NEOTEX®** thích hợp, tùy thuộc vào chất nền (xem bảng). Trong trường hợp nền gốc xi măng, nên sử dụng sơn lót epoxy gốc nước **Acqua Primer NP**. Trong trường hợp đó, nhiệt độ thi công phải cao hơn +12°C.

Thi công

Sau khi sơn lót bề mặt, Thi công **Neoproof® Polyurea AR** không pha loãng, gia cố bằng vải polyester không dệt được thiết kế đặc biệt **Neotextile® NP** có trọng lượng 100gr/m² hoặc vật liệu gia cố thảm sợi thủy tinh **Fiberglass Mat 225 P.B.** có trọng lượng 225gr/m² trên toàn bộ bề mặt ứng dụng (ứng dụng “ướt trên ướt” gồm hai lớp với vải được đặt ở giữa, cẩn thận để không tạo ra nếp nhăn hoặc bong bóng). Các mép vải gia cố phải xếp chồng lên nhau 10 cm. Ngay khi bề mặt vừa khô để thi công lớp sau, nên thi công bổ sung ngay một hoặc nhiều lớp bịt kín **Neoproof® Polyurea AR** bằng con lăn hoặc thiết bị phun chân không.

Trước khi trộn hai thành phần, thành phần A phải được khuấy kỹ bằng máy khoảng 1 phút. Sau đó, các thành phần A & B được trộn theo tỷ lệ định trước (13A:6B theo trọng lượng) và khuấy đều khoảng 3 phút bằng máy khuấy điện tốc độ thấp cho đến khi hỗn hợp đồng nhất.

Hướng dẫn xây dựng hệ thống



HỆ THỐNG CHỐNG THẤM ĐƯỢC GIA CƯỜNG CHO MÁI XANH (TRỒNG CÂY)

- | | |
|---|--|
| ❶ Nền xi măng | ❺ Lớp phủ chống thấm trên cùng:
Neoproof[®] Polyurea AR |
| ❷ Vật liệu lót: Acqua Primer NP | ❻ Vải địa kỹ thuật bảo vệ |
| ❸ Các lớp vật liệu chống thấm:
Neoproof[®] Polyurea AR
<i>Thi công 2 lớp "ướt trên ướt" với lớp vải được đặt ở giữa</i> | ❼ Màng thoát nước |
| ❹ Lớp polyester gia cường: Neotextile[®] NP | ❽ Vải địa kỹ thuật lọc |
| | ❾ Trồng cây - Thảm thực vật |

Tổng mức tiêu thụ **Neoproof[®] Polyurea AR**: 2,7-3,0kg/m²

Lưu ý đặc biệt

- Không nên thi công **Neoproof® Polyurea AR** trong điều kiện ẩm ướt hoặc có dự báo có mưa trong quá trình thi công hoặc trong thời gian bảo dưỡng của sản phẩm
- Không nên bảo quản các thành phần ở nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao, đặc biệt là trước khi trộn. Tốt nhất việc trộn và khuấy hỗn hợp nên được thực hiện trong bóng râm. Việc khuấy trộn hỗn hợp phải được thực hiện bằng máy, không được thực hiện thủ công bằng que,...
- Cần tránh khuấy vật liệu quá mức để giảm thiểu nguy cơ sinh bóng khí. Sau khi khuấy hỗn hợp, nên thi công vật liệu trong thời gian sớm nhất để tránh nhiệt độ tăng cao và khả năng đông cứng bên trong thùng
- Nhiệt độ bề mặt trong quá trình thi công và bảo dưỡng phải cao hơn điểm sương ít nhất 3°C để tránh vấn đề ngưng tụ
- Thi công liền mạch toàn bộ các bề mặt đứng của mái (tối thiểu 30cm), để tạo thành một lớp màng chống thấm đồng nhất. Trong mọi trường hợp, nên che phủ hoàn toàn các bề mặt đứng và tiếp tục thi công chống thấm ở các mặt ngang của chúng.
- Độ bền của hệ thống chống thấm được tăng cường bằng cách tăng tổng độ dày màng khô, điều này có thể đạt được thông qua việc thi công một hoặc nhiều lớp bổ sung
- Mức tiêu thụ của mỗi lớp **Neoproof® Polyurea AR** không được gia cố phải thấp hơn 1kg/m², để giảm thiểu nguy cơ đọng dung môi trong khối màng chống thấm
- Trong trường hợp ứng dụng dưới lớp gạch, nên rải cát thạch anh trong quá trình thi công lớp cuối cùng của sản phẩm, khi nó còn tươi để tăng cường độ bám dính của lớp keo dán gạch tiếp theo. Sau khi **Neoproof® Polyurea AR** đông cứng, mọi hạt rời rạc phải được loại bỏ bằng máy hút bụi có lực hút cao. Nên sử dụng keo dán gạch đàn hồi (loại C2TE S1).
- Để giải phóng hơi nước đọng lại trên bề mặt, nên bố trí các lỗ thông hơi trên toàn bộ bề mặt mái trên 20-25m²
- Trong trường hợp lớp vữa xi măng mới và ngay sau khi trát, nên tạo các khe nối phù hợp (trên 15-20m² diện tích bề mặt và ở độ sâu xấp xỉ bằng ¼ độ dày của lớp vữa xi măng), sau đó sẽ được bịt kín một cách thích hợp (ví dụ bằng dây xoắn PE kín và Mối nối **Neotex® PU** sau khi sơn lót các mặt của chúng đúng cách). Cũng cần tạo các khe co giãn xung quanh chu vi như trên và có chiều rộng tối thiểu là 1cm. Các khe nối hiện có của các tấm bê tông phải được làm lại mới.



Hình thức	Dung dịch nhớt
Màu sắc	Trắng RAL 9003
Đóng gói	Bộ (A+B) 19kg trong thùng kim loại
Vệ sinh dụng cụ – Tẩy vết bẩn	Bằng Neotex® 1021 hoặc Neotex® PU 0413 ngay sau khi thi công. Trong trường hợp vết bẩn đã cứng lại, bằng biện pháp cơ học
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (V.O.C.)	Giới hạn V.O.C. tuân thủ Chỉ thị EU.2004/42/CE đối với sản phẩm thuộc danh mục AJSB: 500g/l (Giới hạn 1.1.2010) – Hàm lượng V.O.C. sản phẩm dùng ngay <500g/l
Mã UFI	Thành phần A: RQN0-70M2-Q00E-8C6N Thành phần B: VSNO-R09G-000W-WPSQ
Phiên bản	Neoproof® Polyurea , hệ thống chống thấm polyurea aliphatic tinh khiết, có tuổi thọ siêu dài Neoproof® Polyurea R , có độ bền cơ học cao và khả năng chống mưa sớm vượt trội (chỉ 1 giờ sau khi thi công) Neoproof® Polyurea H , hệ thống polyurea lai – polyurethane Neoproof® Polyurea C1 , lớp dày, có thể ứng dụng chỉ một lớp khi bề mặt phẳng và mịn Neoproof® Polyurea F , được chứng nhận về khả năng phản ứng với lửa
Bảo quản	<i>Thành phần A:</i> 2 năm, được bảo quản trong bao bì kín ban đầu, tránh sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với ánh sáng mặt trời <i>Thành phần B:</i> 1 năm, được bảo quản trong bao bì kín ban đầu, tránh sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với ánh sáng mặt trời

CE

NEOTEX S.A.
V.Moira str., P.O. Box 2315
GR 19600 Khu công nghiệp Mandra, Athens, Hy Lạp

23

DoP No.: 4950-92

EN 1504-2

Neoproof® Polyurea AR

Sản phẩm bảo vệ bề mặt

Lớp phủ

Khả năng thấm hơi nước	Lớp II
Cường độ bám dính	$\geq 1.5\text{N/mm}^2$
Sự hấp thụ và tính thấm của mao mạch với nước	$W < 0.1\text{Kg/m}^2\text{h}^{0.5}$
Khả năng thấm CO ₂	$S_D > 50\text{m}$
Phản ứng với lửa	Euroclass F
Chất nguy hiểm	Phù hợp với 5.3

Thông tin được cung cấp trong bảng dữ liệu này, liên quan đến cách sử dụng và ứng dụng của sản phẩm, dựa trên kinh nghiệm và kiến thức về NEOTEX® SA. Nó được cung cấp như một dịch vụ cho các nhà thiết kế và nhà thầu để giúp họ tìm ra các giải pháp tiềm năng. Tuy nhiên, với tư cách là nhà cung cấp, NEOTEX® SA không kiểm soát việc sử dụng thực tế sản phẩm và do đó không thể chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng sản phẩm. Do sự phát triển kỹ thuật liên tục, khách hàng có trách nhiệm kiểm tra với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi để đảm bảo rằng bảng dữ liệu hiện tại này không bị sửa đổi bởi phiên bản mới hơn.

HEADQUARTERS - PLANT
V. Moira str., Xiropigado
LOGISTICS SALES & CENTER
Loutsas str., Voro

P.O. Box 2315, GR 19600
Industrial Area Mandra
Athens, Greece
T. +30 210 5557579

NORTHERN GREECE BRANCH
Ionias str., GR 57009
Kalochori, Thessaloniki, Greece
T. +30 2310 467275